

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

MỤC 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN, GÓI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp quần áo chịu nhiệt.

Số hiệu gói thầu: 271/CHCT/XMCP/ĐT/2025.

Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

Phạm vi cung cấp của gói thầu: Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa – Mẫu số 01A được dẫn chiếu từ webform (gọi tắt là: “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”) là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá.

Tóm tắt nội dung Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Quy cách	Đvt	Số lượng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Quần áo chịu nhiệt	Chỉ tiêu kỹ thuật đính kèm	Bộ	02
2	Găng tay chịu nhiệt	Chỉ tiêu kỹ thuật đính kèm	Đôi	15

MỤC 2: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Tiến độ, địa điểm, thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Tiến độ cung cấp hàng hóa: 120 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu kỹ thuật

➤ Yêu cầu về thông tin của hàng hóa

Nhà thầu phải đưa đầy đủ thông tin về hàng hóa trong bảng chào giá, cụ thể:

Số lượng hàng hóa đề xuất: hàng hóa đáp ứng đầy đủ số lượng yêu cầu tại “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”.

Quy cách hàng hóa đề xuất: phải nêu đầy đủ mã hiệu sản phẩm, các thông số kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật/ chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”.

Hãng, xuất xứ: Nêu rõ hãng, xuất xứ của hàng hóa.

➤ Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa đề xuất

Hàng hóa nhà thầu đề xuất được tính là hợp lệ khi đảm bảo các yếu tố sau:

Quy cách kỹ thuật của hàng hóa phải đáp ứng hoặc tốt hơn yêu cầu/ chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”.

Nhà thầu phải đưa vào E-HSDT giấy tờ để chứng minh hàng hóa đề xuất đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật mô tả tại “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”.

➤ Nhà thầu đưa vào E-HSDT các cam kết

Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, được đóng gói theo quy cách của Nhà sản xuất, đáp ứng đầy đủ số lượng, chủng loại, hãng/xuất xứ theo yêu cầu nêu tại Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa.

Hàng hóa được sản xuất từ năm 2022 trở lại đây.

Cam kết cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ do cơ quan chức năng của nước xuất khẩu cấp/ Hãng cấp (đối với hàng nhập khẩu), chứng chỉ chất lượng/ hoặc tài liệu tương đương (bản gốc hoặc bản sao công chứng của cơ quan có thẩm quyền).

3. Điều kiện bảo hành

Nhà thầu đưa vào E-HSDT nội dung cam kết về điều kiện bảo hành:

Thời gian bảo hành: bảo hành tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký Biên bản kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Trách nhiệm bảo hành: Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ hàng hóa với thời hạn 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của thiết bị.

Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải trực tiếp sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác sửa chữa thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó (nếu xác định do lỗi của máy móc/ thiết bị).

Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 05% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 07 tháng đối kể từ ngày mở bảo đảm (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản kiểm nghiệm đạt yêu cầu).

4. Các yêu cầu khác

a. Yêu cầu về phạt vi phạm và bồi hoàn

Nhà thầu đưa vào E-HSDT nội dung cam kết về phạt vi phạm và bồi hoàn như sau:

Nếu Nhà thầu giao hàng không đúng chất lượng đã quy định trong hợp đồng, thì Nhà thầu có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho phù hợp với hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản kiểm nghiệm,

đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần hàng hóa vi phạm quy cách, chất lượng. Nếu Nhà thầu không thay thế bổ sung hàng hóa hoặc phần hàng hóa thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng. Mọi trường hợp phạt 8% giá trị hợp đồng, các bên thống nhất hiệu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

Nếu Nhà thầu giao hàng chậm so với tiến độ không quá 08 ngày thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm.

Nếu Nhà thầu giao hàng chậm quá 08 (tám) ngày, thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt là 8% giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiệu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng.

b. Điều kiện thanh toán

Nhà thầu đưa vào E-HSĐT nội dung cam kết về điều kiện thanh toán như sau:

Thanh toán 100% giá trị lô hàng bằng chuyển khoản trong vòng 120 ngày kể từ ngày hai Bên ký biên bản kiểm nghiệm và Bên mời thầu nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:

Công văn đề nghị thanh toán.

Hóa đơn giá trị gia tăng.

Biên bản bàn giao, Biên bản kiểm nghiệm, Phiếu nhập kho theo mẫu của Bên mời thầu.

Chứng thư Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành.

Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ do cơ quan chức năng của nước xuất khẩu cấp/ Hãng cấp (đối với hàng nhập khẩu), chứng chỉ chất lượng/ hoặc tài liệu tương đương (bản gốc hoặc bản sao công chứng của cơ quan có thẩm quyền).

Biên bản thanh lý hợp đồng.

5. Thăm hiện trường và giải đáp các câu hỏi của Nhà thầu

Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu có thể khảo sát thực tế hiện trường để đánh giá tình trạng thiết bị đang sử dụng và lấy mẫu tại Bên mời thầu.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Đầu mối liên hệ: Ông Vũ Quốc Công; số điện thoại: 0356794444; e-mail: congvt1@viettel.com.vn.

MỤC 3. BẢN VẼ: không.

MỤC 4. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Kiểm tra trạng thái vật lý và các giấy tờ đính kèm của hàng hóa trước khi nhận bàn giao.



CÔNG TY CP XI MĂNG CẨM PHẢ

Mã hiệu:

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Ngày hiệu lực:

Ngày hết hạn hiệu lực:

Lần ban hành:

Trang:

1. Quần áo chịu nhiệt

TT	Thông số (Technical parameters)	Yêu cầu kỹ thuật (Requirement)	Bắt buộc/tùy chọn (M/O)	Tiêu chuẩn đánh giá	Phạm vi cho phép sửa đổi
1	Bộ quần áo	Mũ: Tròng kính: 5mm tempered glass, goldcolor aluminized film, 0.8mm PC plate; Áo; Găng tay (loại 2 ngón); Quần; Ủng.	M		
2	Chất liệu	Chất liệu kết hợp từ nhôm và aramid không chứa amiang; Độ dày: ≥ 0.8 mm. Trọng lượng: ≥ 390 g/m ² .	M		
3	Khả năng chịu nhiệt	Chịu lạnh (Cold resistance): $\leq -30^{\circ}\text{C}$ x 3 phút. Chịu nóng (Heat resistance): $\geq 200^{\circ}\text{C}$ x 15 phút.	M		
4	Độ bền cơ học	Lực kéo dọc: ≥ 165 kgf Lực kéo ngang: ≥ 95 kgf (vận tốc kéo: 20 cm/min)	M		

2. Găng tay chịu nhiệt

TT	Thông số (Technical parameters)	Yêu cầu kỹ thuật (Requirement)	Bắt buộc/tùy chọn (M/O)	Tiêu chuẩn đánh giá	Phạm vi cho phép sửa đổi
1	Chất liệu	Chất liệu kết hợp từ nhôm và aramid không chứa amiang; Độ dày: ≥ 0.8 mm Trọng lượng: ≥ 390 g/m ²	M		
2	Khả năng chịu nhiệt	Chịu lạnh (Cold resistance): $\leq -30^{\circ}\text{C}$ x 3 phút Chịu nóng (Heat resistance): $\geq 200^{\circ}\text{C}$ x 15 phút.	M		
3	Độ bền cơ học	Lực kéo dọc: ≥ 165 kgf Lực kéo ngang: ≥ 95 kgf (vận tốc kéo: 20 cm/min)	M		